

Số: 1656905

|                                            | Kia K3 1.6 Turbo GT     | Kia New Seltos 1.5 Turbo Luxury |
|--------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>689.000.000đ</b>     | <b>749.000.000đ</b>             |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                         |                                 |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4640 x 1800 x 1450      | 4365 x 1800 x 1645              |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2700                    | 2610                            |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                    | 5300                            |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 150                     | 190                             |
| Khối lượng không tải (kg)                  | n/a                     | 1310                            |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | n/a                     | 1760                            |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 520                     | 433                             |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 50                      | 50                              |
| Số chỗ ngồi                                | 5                       | 5                               |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước        | SX-LR trong nước                |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                         |                                 |
| Loại động cơ                               | 1.6 TURBO GAMMA         | Smartstream 1.5 Turbo           |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1591                    | 1497                            |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 201 / 6000              | 158Hp/ 5.500 rpm                |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 265 / (1500 - 4500)     | 253 Nm/ 1.500 - 3.500 rpm       |
| Hộp số                                     | 7DCT                    | 7DCT                            |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)         | Cầu trước (FWD)                 |
| Hệ thống treo trước                        | Mc Pherson              | McPherson                       |
| Hệ thống treo sau                          | Liên kết đa điểm        | Thanh cân bằng                  |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                     | Đĩa                             |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                     | Đĩa                             |
| Thông số lốp xe                            | 225/45 R17              | 215/60 R17                      |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.9                     | n/a                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.3                     | n/a                             |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.6                     | n/a                             |
| Chế độ lái                                 | Eco/Comfort/Sport/Smart | Normal/Eco/Sport                |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                         |                                 |
| Cụm đèn trước                              | LED                     | LED                             |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                       | ●                               |
| Đèn ban ngày LED                           | ●                       | ●                               |
| Đèn sương mù                               | LED                     | LED                             |
| Cụm đèn sau                                | LED                     | LED                             |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                       | ●                               |
| Cửa sổ trời                                | ●                       | ●                               |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                         |                                 |
| Vô lăng bọc da                             | ●                       | ●                               |
| Chất liệu ghế                              | Da                      | Da                              |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                       | ●                               |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                | ●                       | -                               |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                       | -                               |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát        | ●                       | ●                               |
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi           | ●                       | -                               |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                     | ●                       | ●                               |

|                                    |          |                |
|------------------------------------|----------|----------------|
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | LCD 4.2" | 4.2"           |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 10.25"   | 10.25"         |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●        | ●              |
| Hệ thống điều hòa tự động          | ●        | ●              |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 2        | Tự động 2 vùng |
| Cửa gió cho hàng ghế sau           | ●        | ●              |
| Chìa khóa thông minh               | ●        | ●              |
| Khởi động nút bấm                  | ●        | ●              |
| Khởi động từ xa                    | ●        | ●              |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 Loa    | 6 loa          |
| Lấy chuyển số                      | ●        | -              |
| Sạc không dây Qi                   | ●        | -              |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |             |     |
|--------------------------------------------|-------------|-----|
| Số túi khí                                 | 6           | 6   |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●           | ●   |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●           | ●   |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●           | ●   |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●           | ●   |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●           | ●   |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●           | ●   |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●           | n/a |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Trước & Sau | ●   |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                  | ●           | ●   |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | ●           | -   |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp              | ●           | ●   |
| Camera lùi                                 | ●           | ●   |